

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: **104**/2026/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày **06** tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của đảng ủy xã,
phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản
lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản
Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 491/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức chi
hoạt động của đảng ủy xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo
cáo thẩm tra số 271/BC-KTNS ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân thành phố tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết Quy định một số nội
dung, mức chi hoạt động của đảng ủy xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành
phố Đà Nẵng.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của đảng ủy xã, phường, đặc khu và đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng (nếu có) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Quy định số 113-QĐ/VPTW ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh ủy, thành ủy.



2. Đối tượng áp dụng

- a) Đảng ủy xã, phường, đặc khu.
- b) Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu.
- c) Đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng (nếu có).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Tổ chức đảng cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng” là tổ chức đảng không thuộc hệ thống hành chính, do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định thành lập theo quy định của Trung ương.

2. “Nghị quyết của cấp ủy” là nghị quyết của cấp ủy về các vấn đề cụ thể, giải pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng ở địa phương hoặc xử lý các vấn đề có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nghị quyết nhằm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; nghị quyết thí điểm các chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. “Đề án, quy chế, quy định” là các văn bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Quy định số 399-QĐ/TW ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Các nhiệm vụ về xây dựng và thẩm định văn bản tại Điều 4; các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng phải được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chủ trì bằng văn bản.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thuộc dự toán ngân sách của cấp nào thì cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách xã, phường, đặc khu bố trí trong dự toán chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể của đảng ủy xã, phường, đặc khu và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu. Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, Văn phòng Đảng ủy xã, phường, đặc khu xây dựng dự toán kinh phí của đơn vị cấp mình gửi cơ quan tài chính cùng cấp để cân đối, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Nội dung chi tại Nghị quyết này thuộc nguồn kinh phí giao không thực hiện tự chủ. Các nội dung chi không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Quy định số 113-QĐ/VPTW và quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước.

3. Mức chi trong Nghị quyết này là mức chi tối đa. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng, thẩm định văn bản; đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng quyết định mức chi cụ thể cho



từng nội dung, nhiệm vụ; quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ hoặc văn bản quy định của cơ quan theo nguyên tắc không vượt quá mức chi quy định tại Nghị quyết này và không vượt quá dự toán chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể được giao; có trách nhiệm bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ và đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong sử dụng ngân sách.

Điều 4. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy ban hành

1. Chi xây dựng văn bản

Văn bản trình đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy là nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án hoặc không xây dựng đề án. Đối với văn bản trình qua nhiều cấp thì được áp dụng mức chi xây dựng văn bản trình cấp cao nhất.

a) Đối với văn bản mới (hoặc văn bản thay thế)

Văn bản do đảng ủy quyết định ban hành:

- Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 16.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 16.000.000 đồng/văn bản.

Văn bản do ban thường vụ đảng ủy quyết định ban hành:

- Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 16.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 12.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 12.000.000 đồng/văn bản.

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung

Tùy theo nội dung, phạm vi sửa đổi, mức chi tối đa bằng 60% mức chi được quy định tại điểm a khoản này.

c) Mức chi quy định tại điểm a và điểm b khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định, bao gồm: Dự thảo đề án (trường hợp được giao xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình nếu có).

Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm:



Dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình nếu có).

Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản tại điểm này: Hợp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; chi bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

d) Trường hợp văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Văn phòng đảng ủy phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo ban thường vụ đảng ủy đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

Mức chi quy định tại điểm d khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Nội dung, nhiệm vụ cụ thể theo quy định tại tiết a, b, c, d điểm 1.4 khoản 1 Điều 5 Quy định số 113-QĐ/VPTW.

2. Chi thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

a) Mức chi

Văn bản trình đảng ủy:

- Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 6.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 4.800.000 đồng/văn bản.

- Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 4.800.000 đồng/văn bản.

Văn bản trình ban thường vụ đảng ủy:

- Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 4.800.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 4.000.000 đồng/văn bản.

- Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 4.000.000 đồng/văn bản.

Đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi tối đa bằng 30% tổng mức chi thẩm định văn bản nêu trên.

b) Mức chi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của thẩm định văn bản nêu trên gồm: Báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

c) Trường hợp thẩm định văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực cần thuê chuyên gia, Văn phòng đảng ủy phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo ban thường vụ đảng ủy đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.



Sản phẩm thuê chuyên gia là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp.

d) Kinh phí thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền) chủ trì thẩm định chi.

3. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn công tác theo các chương trình, đề án được cơ quan chủ trì chương trình, đề án chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn công tác theo các chương trình, đề án thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 5. Chi xây dựng một số văn bản khác trình đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khóa, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của đảng ủy: Mức chi tối đa 12.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của đảng ủy; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Thành ủy: Mức chi tối đa 6.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của đảng ủy; báo cáo tổng kết năm của đảng ủy; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của đảng ủy; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của đảng ủy: Mức chi tối đa 3.600.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của đảng ủy: Mức chi tối đa 2.800.000 đồng/chương trình.

5. Xây dựng chỉ thị, kết luận, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy: Mức chi tối đa 2.000.000 đồng/văn bản.

Điều 6. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy

1. Mức chi

a) Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý, mức chi tối đa 12.000.000 đồng/đoàn (tổ).

b) Đoàn giải quyết tố cáo, mức chi tối đa 8.000.000 đồng/đoàn (tổ).

c) Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, mức chi tối đa 6.400.000 đồng/đoàn (tổ).

2. Nội dung chi bao gồm

a) Xây dựng chương trình gồm: Quyết định thành lập đoàn (bao gồm cả kế hoạch và nội dung), đề cương kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

b) Xây dựng báo cáo kết quả, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

c) Chi hợp đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3. Kinh phí chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng do cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì chi. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng (đoàn công tác liên ngành, liên cơ quan) được cơ quan chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 7. Chi trang phục

1. Ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường, đặc khu; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của đảng ủy cấp xã được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi 500.000 đồng/người/năm. Riêng trường hợp là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thì thực hiện theo chế độ quy định cho chức danh đó. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ trang phục thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

2. Chế độ trang phục đối với người làm công tác cơ yếu thực hiện theo quy định hiện hành; không áp dụng quy định tại Điều này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2026.

2. Đối với nội dung chi của nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng

nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền; trường hợp cần sửa đổi, bổ sung trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 06 tháng 10 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các phường, xã, đặc khu thuộc thành phố;
- Báo và PTTH Đà Nẵng, Chuyên đề CATP ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố, Công báo thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Dũng

